

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HSST
Ngày: 02-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Út Hậu

2/ Ông Bùi Quang Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Công T, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1982 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú trước khi bỏ trốn: **Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ** (nay là **Khu V, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ**); Nơi đăng ký thường trú: **Số A, đường T, tổ E, khu phố D, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh**; Nơi ở hiện tại: **Số C, tổ D, ấp C, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Công T1**, sinh năm 1959 (sống) và bà **Mai Thị Đ**, sinh năm 1960 (sống); vợ: **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1984; con: có 02 người, sinh năm 2008 và 2012; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Diệp Thúy H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không tiền tiêu xài và trả nợ nên Trần Công T nói với bà Mai Thị H1, sinh năm 1971, trú tại khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Lúc này, H1 nói với T đến nhà bà Diệp Thúy H ở khu vực C (nay là khu vực C), phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ nơi bà H1 làm thuê có nhiều tài sản và kêu T đến đó trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Sau đó T rủ thêm Trịnh Minh T3, sinh năm 1980, trú tại khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ đi cùng.

Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 21/3/2004, T điều khiển xe mô tô chở T3 đến nhà bà H thì gặp H1 đang quét dọn nhà; khi thấy T và T3 thì H1 mở cửa và chỉ chỗ cho T3 vô phòng ngủ nơi cất giấu tài sản; T đứng ở ngoài trông xe. T3 vào phòng ngủ mở tủ lấy một cái túi vải màu đỏ trong đó có đựng nữ trang gồm: 01 (một) sợi dây chuyền, 02 (hai) chiếc nhẫn, 01 (một) cái lắc, tất cả làm bằng vàng trắng, 01 (một) cái bóp màu đen trong đó có đựng số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), 04 (bốn) cuốn sổ dùng để ghi giao hàng và 01 (một) cái máy chụp ảnh hiệu MINOLTA rồi lên xe để T chở về hướng phường T, quận Ô. Sau đó, T3 đưa cho T tài sản trộm được, T đem bán được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền này T chia cho T3 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); đối với cái túi màu đen, cùng 04 (bốn) cuốn sổ dùng để ghi giao hàng và 01 (một) cái máy chụp ảnh hiệu MINOLTA thì T đem về nhà bà Mai Thị H2 là di ruột của T để cất giấu. Số tài sản này sau đó đã được bà H2 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19 ngày 29/7/2004 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ và Bản án hình sự phúc thẩm số 49/HSPT ngày 22/9/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xác định giá trị tài sản lấy trộm gồm: vàng trắng tính bằng tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền mất là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) với tổng giá trị là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), gia đình Mai Thị H1 đã bồi

thường đủ, Hội đồng xét xử đã tuyên phạt **Trịnh Minh T3** 18 tháng tù giam; **Mai Thị H1** 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

Đối với **T** khi biết cơ quan Công an đã phát hiện ra sự việc phạm tội do lo sợ bị bắt nên đã bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 15/5/2004 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận Ô** ra Quyết định Truy nã đối với **T**. Tại thành phố Hồ Chí Minh, **T** đã nhập hộ khẩu theo cha ruột là **Trần Công T1**, sinh năm 1959, địa chỉ: **A, đường T, Tổ dân phố E, Khu phố D, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh** và thay đổi năm sinh từ năm 1985 thành ngày 20/6/1982, làm lại giấy tờ tùy thân gồm CMND; CCCD thành: “**Trần Công T**, sinh ngày: 20/6/1982, số CMND: 024208747 và CCCD: 079082003229, cấp ngày 03/5/2022, Nơi cấp: **Cục C** về TTXH”. Sau đó **T** chuyển đến tạm trú và sinh sống tại địa chỉ: **số C, tổ D, ấp C, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh** cho đến ngày 29/12/2023 thì bị bắt.

Tại Kết luận giám định số 01/KL-KTHS-ĐV ngày 31/01/2024 của **Phòng K Công an thành phố C** kết luận: Dấu vân tay trên chỉ bản của **Trần Công T**, sinh ngày: 20/6/1982, trú tại: **số A, đường T, tổ dân phố E, khu phố D, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh** lập ngày 29/12/2023 tại **Công an quận Ô** so sánh Bản phô tô danh bản, chỉ bản số: 43, lập ngày 24/5/2019, tại **Công an huyện N** của **Trần Công T**, sinh ngày: 20/6/1982, số CMND: 024208747, nơi cư trú: Nhà 0 số, **tổ D, ấp C, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh** là dấu vân tay của cùng một người in ra.

Về phần dân sự gia đình bà **Mai Thị H1** đã bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Bị hại không có yêu cầu gì khác.

Đối với **Trịnh Minh T3** và **Mai Thị H1** đã chấp hành xong bản án. Hiện cả hai đã chết nên không xem xét giải quyết phần dân sự.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSOM ngày 12/3/2024 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô Môn để xét xử **Trần Công T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p khoản 1

Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo mức án từ 01 (năm) đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 05 giờ sáng ngày 21/3/2004, bị cáo điều khiển xe mô tô chở **Trịnh Minh T3** đến nhà bà **Diệp Thúy H** thì gặp **Mai Thị H1** đang quét dọn nhà, **H1** mở cửa và chỉ chỗ cho **T3** vào phòng ngủ nơi cất giấu tài sản, bị cáo đứng ở ngoài trông xe. **T3** vào phòng ngủ mở tủ lấy một cái túi vải màu đỏ trong đó có đựng nữ trang gồm: 01 (một) sợi dây chuyền, 02 (hai) chiếc nhẫn, 01 (một) cái lắc, tất cả làm bằng vàng trắng, 01 (một) cái bóp màu đen trong đó có đựng số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), 04 (bốn) cuốn sổ dùng để ghi giao hàng và 01 (một) cái máy chụp ảnh hiệu MINOLTA rồi lên xe để bị cáo chở về hướng **phường T, quận Ô**. Sau đó, **T3** đưa cho bị cáo tài sản trộm được, bị cáo đem bán được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và chia cho **T3** 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); đối với túi màu đen, 04 (bốn) cuốn sổ dùng để ghi giao hàng và 01 (một) cái máy chụp ảnh hiệu MINOLTA thì bị cáo đem về nhà bà

Mai Thị H2 là di ruột của bị cáo để cất giấu. Sau đó bà **H2** giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận Ô**.

Bị cáo cùng với **H1** và **T3** có hành vi lấy trộm tài sản gồm: vàng trắng tính bằng tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền mặt là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) với tổng giá trị là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi, bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo chỉ vì tham lam, muốn có tài sản nhanh chóng mà không cần phải bỏ công sức lao động để phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho quá trình điều tra. Đến năm 2019 bị cáo tiếp tục phạm tội, đã bị xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 58/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, chấp hành xong vào ngày 13/10/2021. Đến ngày 29/12/2023 thì bị bắt theo Quyết định Truy nã số 09 ngày 15/5/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận Ô**. Qua đó cho thấy bị cáo chưa có ý thức chấp hành pháp luật.

Xét thấy, bị cáo cùng **H1** và **T3** có vai trò đồng phạm giản đơn trong thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xem xét mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, giúp đỡ bị cáo sửa chữa hành vi sai trái của mình, sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy

tổ và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét để cân nhắc hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bà **Mai Thị H1** đã bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo khi chấp hành án nên không phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[7] Đối với **Mai Thị H1** đã bị xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và **Trịnh Minh T3** đã bị xử phạt 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 19 ngày 29/7/2004 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ và Bản án hình sự phúc thẩm số 49/HSPT ngày 22/9/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. **Trịnh Minh T3** và **Mai Thị H1** đã chấp hành xong bản án. Hiện cả hai đã chết nên không xem xét giải quyết phần dân sự trong vụ án này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: **Trần Công T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: **Trần Công T** 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2023.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Công an Q. Ô Môn;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng